

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/NGOCTHOMFOODS/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điện thoại: 0918424325

Email:

Mã số doanh nghiệp: 1102026993

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Áp dụng ISO 22000:2018, số: TQC.03.5758. Ngày cấp: 25/01/2024. Nơi cấp: TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bắp Giò Heo Muối Vị Tayaki

2. Thành phần: Thịt chân giò heo rút xương (95 %), muối (1 %), đường kính, chất điều vị (INS 621, INS 508), chất làm ẩm (INS 450(iii), INS 451(i), INS 451(ii), INS 450(i), INS 452(i)), chất nhũ hoá (INS 1414, INS 414, INS 407, INS 415, INS 471), chất chống oxy hóa (INS 316, INS 301), chất bảo quản (INS 250, INS 234), chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 296, INS 500(i), INS 331(iii)), chất chống đông vón (INS 551, INS 504(i), INS 341(i)), đạm động vật (lợn), xi-rô glucose, đạm đậu nành, tinh bột bắp, nước tương, bột tỏi, bột gừng.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Bảo quản ở nhiệt độ 0 °C – 4 °C hoặc trong ngăn mát tủ lạnh: 03 tháng kể từ NSX.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên tem sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 450 g hoặc tùy theo nhu cầu khách hàng, đối tác.



- Chất liệu bao bì đóng gói: bao bì phức hợp có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa có cấu trúc PA/LLPDE.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Theo mẫu nhãn dự kiến đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật / quy định an toàn thực phẩm:

+ **QCVN 8-2: 2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

+ **QCVN 8-3:2012/ BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

+ Thông tư số 24/ 2019/ TT – BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

+ Ghi nhãn theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Long An, ngày 20 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)





COOP
Select
Bắp Giò Heo Muối
Vị Tàyaki
TAYAKI SALTED PORK LEGS
Khối lượng tịnh: **450 g**

COOP
Select
Bắp Giò Heo Muối
Vị Tàyaki
TAYAKI SALTED PORK LEGS

Thành phần:
Thịt chân giò heo nức xương (95%), muối (1%), đường kính, chất điều vị (INS 621, INS 509), chất làm mềm (INS 450(ii)), INS 451(i), INS 451(ii), INS 450(i), INS 452(i)), chất nhũ hoá (INS 144, INS 414, INS 407, INS 415, INS 471), chất chống oxy hóa (INS 316, INS 301), chất bảo quản (INS 250, INS 234), chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 296, INS 500(i)), INS 331(i)), chất chống đông vón (INS 551, INS 504(i), INS 341(i)), dấm đông vật (lên), xir-ô glucose, dấm dứa thơm, tinh bột bắp, nước tương, bột tỏi, bột gừng.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng trực tiếp hoặc chế biến các món ăn tùy thích.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản ở nhiệt độ 0 °C - 4 °C hoặc ngăn mát tủ lạnh.

Thăng tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm có màu mũi lo, quai hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm. Không dùng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

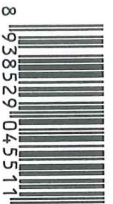
NSX, HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng trong 100 g	
Năng lượng	1477 kcal - 274,3 kcal
Chất đạm	15,12 g - 28,08 g
Carbohydrate	0,91 g - 1,69 g
Chất béo	9,31 g - 17,29 g
Natri	4134 mg - 7678 mg

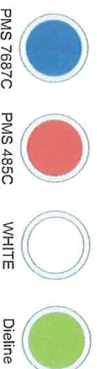
Sản xuất đặc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)
Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGOC THOM FOODS
Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Cung cấp bởi:
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGOC THOM
Địa chỉ: 12/14/18, Đường số 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tư vấn bộ số: 12/NGOCTHOMFOODS/2024
Xuất xứ: Việt Nam

Liên hệ & liên hệ hàng
(028) 3920 5733
NHÀ MÁY ĐẠT CHUẨN
/ISO 22000: 2018



150 X 60 mm



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 18/04/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI**
NSX:29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GPHH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Định tính hydro sulfua (H ₂ S) (*)/ Qualitative of hydrogen sulfide (H ₂ S) (*)	Âm tính/ Negative	-	-	TS-KT-HCB-038:2020
2	Phản ứng Kreiss (*)/ Kreiss reaction (*)	Âm tính/ Negative	-	-	TS-KT-HCB-173:2019
3	Định tính borat (*)/ Qualitative of borate (*)	Âm tính/ Negative	-	-	TCVN 8895:2012
4	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	62.0	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
5	Amoniac (NH ₃) (*)/ Ammonia (NH ₃) (*)	13.5	mg/100g	-	TS-KT-HCB-14:2020
6	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	21.6	%	-	TS-KT-HCB-001:2018
7	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	13.3	%	-	TS-KT-HCB-002:2018
8	Năng lượng/ Calories	211	kcal/100g	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
9	Đường tổng (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	0.856	%	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
10	Carbohydrate (*)	1.30	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
11	Chất béo bão hoà (*)/ Saturated fat (*)	4.47	%	-	TS-KT-SK-13:2020 (Ref. AOAC 996.06)
12	Chất béo chuyển hoá (*)/ Trans fat (*)	Vết 0.014 (< LOQ = 0.03)	%	0.01	TS-KT-SK-13:2020 (Ref. AOAC 996.06)
13	Tro không tan trong HCl (*)/ Ash insoluble in HCl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.007	TS-KT-HCB-007:2018 (Ref. AOAC 920.46)
14	Muối (NaCl) (*)/ Salt (NaCl) (*)	1010	mg/100g	-	TS-KT-HCB-009:2018

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
15	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	5906	mg/kg	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 18/04/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **BÁP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI**
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	9.1x10 ²	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
3	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- 4.GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- 5.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 18/04/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4.GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
5.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



HUYỀN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **11/04/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **11/04/2024 - 18/04/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI**
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Ciprofloxacin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-19:2020
2	Salbutamol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.02	TS-KT-SK-21:2019 (Ref. TCVN 11294:2016)
3	Clenbuterol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.02	TS-KT-SK-21:2019 (Ref. TCVN 11294:2016)
4	Ractopamine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.02	TS-KT-SK-21:2019 (Ref. TCVN 11294:2016)
5	Chloramphenicol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.02	TS-KT-SK-16:2020

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỶNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 18/04/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Natri nitrit (NaNO ₂)/ Sodium nitrite (NaNO ₂)	106	mg/kg	-	TS-KT-HCB-514:2023 (Ref. TCVN 7767:2007)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4.GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
5.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



HUYỀN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 18/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 001018449.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 18/04/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Kali sorbate (*)/ Potassium sorbate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	6	TS-KT-SK-26:2018 (Ref. TCVN 8122:2009)
2	Natri benzoate (*)/ Sodium benzoate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	6	TS-KT-SK-26:2018 (Ref. TCVN 8122:2009)
3	Phosphat (tổng của orthophosphat, diphosphat, triphosphat và trimetaphosphat) (tính theo P ₂ O ₅)/ Phosphate (sum of orthophosphate, diphosphate, triphosphate and trimetaphosphate) (as P ₂ O ₅)	1849	mg/kg	-	TS-KT-IC-004:2020

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 002018450.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **11/04/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **11/04/2024 - 16/04/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI**
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	8.2x10 ²	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
3	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 003018451.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 16/04/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	9.5x10 ²	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
3	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 004018452.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 11/04/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 11/04/2024 - 16/04/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	7.9x10 ²	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
3	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y212D1085

Mã KQ/ RP. No: 005018453.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS.**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Lô E5, đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **11/04/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **11/04/2024 - 16/04/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **BẮP GIÒ HEO MUỐI VỊ TAYAKI**
NSX: 29/03/2024
HSD: 3 THÁNG KỂ TỪ NSX
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	9.3x10 ²	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
3	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.